

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 07 năm 2016)

Sơn La, tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04	3
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	3
2.	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	4
3.	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	5
4.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	12
5.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	12
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
1.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	15
2.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	12
3.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....	18
4.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	19
5.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	22
III.	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	23
1.	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	22
2.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	23
3.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018.....	23
4.	GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN.....	30
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	27
1.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	30
2.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	30
3.	KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
2.	BAN KIỂM SOAT	32
3.	CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	33
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	33

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04**1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****Giới thiệu chung**

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7.04 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.04.,JSC
Trụ sở chính	:	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Điện thoại	:	(0242) 0236 699
Website	:	songda704.com.vn
Email	:	songda704@gmail.com
Tài khoản số	:	4131 000000 0285 tại Phòng giao dịch Mường La – Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Sơn La
Giấy CNDKKD	:	Số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28/07/2016
Mã số thuế	:	5500296523
Vốn điều lệ	:	64.800.000.000 (<i>Sáu mươi tư tỷ, tám trăm triệu</i>) đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	:	121.639.841.602 (<i>Một trăm hai một tỷ, sáu trăm ba chín triệu, tám trăm bốn một nghìn, sáu trăm linh hai đồng./</i>)
Mã cổ phiếu	:	S74

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Năm 2003

Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 được thành lập và được giao nhiệm vụ sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất các loại đá dăm phục vụ thi công công trình thủy điện Tuyên Quang. Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 đơn vị đã được đầu tư 01 trạm trộn bê tông công suất 120 m³/h, 02 trạm nghiền công suất 100.000 m³/năm; 250.000 m³/năm cùng nhiều xe máy thiết bị phục vụ khác và đơn vị đã vận hành sản xuất đáp ứng đầy đủ lượng cát, đá dăm và vữa bê tông thương phẩm

theo yêu cầu tiến độ công trường đặt ra đảm bảo cho công trình thủy điện Tuyên Quang đi vào phát điện theo đúng kế hoạch mà chính phủ đề ra.

Với kinh nghiệm và uy tín đã có được khi tham gia phục vụ công tác cung cấp vật liệu cho công trình thủy điện Tuyên Quang, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 tiếp tục được giao nhiệm vụ sản xuất vữa bê tông thương phẩm và sản xuất cát, đá dăm các loại để phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La.

Năm 2006

Tháng 07/2006, thực hiện chủ trương nâng cao năng lực sản xuất, tập trung sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề trong doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 quyết định sáp nhập hai đơn vị Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 và lấy tên là Xí nghiệp Sông Đà 70.4.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới được giao, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 tiếp tục được đầu tư mới thêm 02 trạm nghiền có công suất 350.000 m³/năm, 650.000 m³/năm đồng thời cải tạo 02 dây chuyền cũ sản xuất sản phẩm mới là cát xay để phục vụ công tác thi công bê tông đầm lăn tại thủy điện Sơn La và đầu tư thêm 01 trạm trộn bê tông công suất 130 m³/h.

Năm 2007

Ngày 21 tháng 12 năm 2007, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập với tổng số vốn điều lệ là 40.000.000.000, tương ứng với 4.000.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy điện, bưu điện;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng;

-
- Kinh doanh bất động sản với quyền chủ sở hữu, hoặc đi thuê;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Đầu tư tài chính và đầu tư các dự án khác mà pháp luật cho phép;
 - Đầu tư, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
 - Kinh doanh bán điện;
 - Sản xuất và kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
 - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
 - Kinh doanh dịch vụ khác sạn;
 - Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

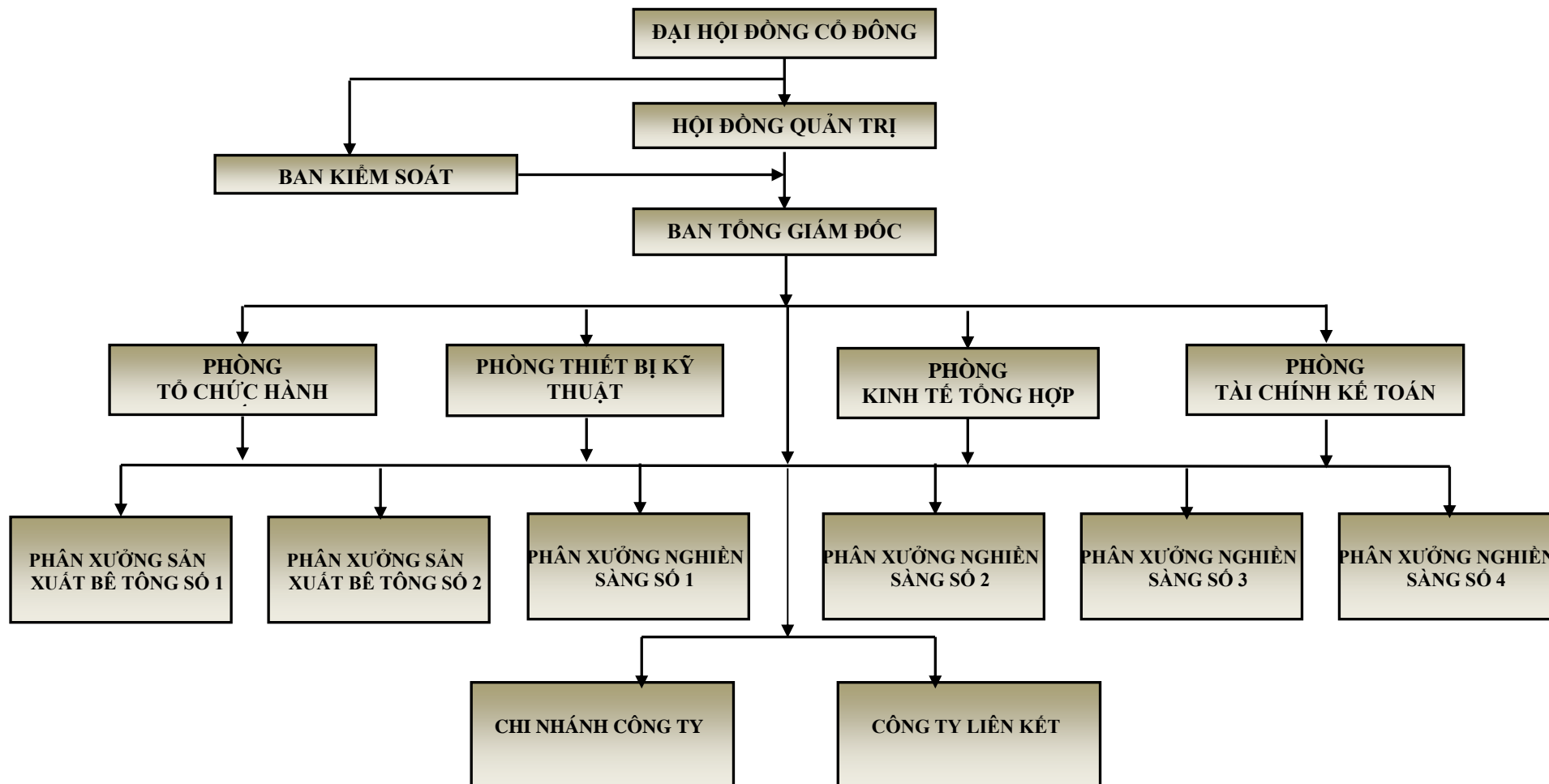
3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị Công ty: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Nguyễn Trọng Khoa** Ủy viên HĐQT
3. Ông **Nguyễn Hữu Nhuận** Ủy viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông **Nguyễn Như Huy** Trưởng BKS
2. Ông **Nguyễn Trọng Tiêu** Thành viên BKS
3. Ông **Quất Văn Quang** Thành viên BKS

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

1. Ông **Trần Văn Tài** Tổng giám đốc
2. Ông **Nguyễn Trọng Bắc** Phó tổng giám đốc

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;

- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biên pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phần xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;

- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đầu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phân ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đôn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (ĐỒNG)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	40.800.000.000	34
2	Công ty CP thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7	Xã Đung Knór, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng, quản lý vận hành các	51.753.620.000	43,13

			công trình thủy điện		
--	--	--	-------------------------	--	--

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Định hướng và mục tiêu phát triển của Sông Đà 7.04 là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, trong đó ưu tiên phát triển ngành nghề khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng là thế mạnh truyền thống của Công ty, để nâng cao vị thế, củng cố thương hiệu và mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Bên cạnh đó chuyển đổi sang ngành nghề kinh doanh xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, kinh doanh điện, vận tải và nhà ở khác,...
- Sông Đà 7.04 xác định rõ mục tiêu: lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy tối đa mọi nguồn lực đang có, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Sông Đà 7.04 với các mục tiêu lớn: “Sản xuất công nghiệp – Đầu tư – Kinh doanh dịch vụ”.
- Từng bước xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó cũng quan tâm xây dựng một đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại trong tương lai.
- Đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển nguồn vốn tự có của đơn vị, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm cho các cổ đông của Công ty;
- Phần đầu trở thành một đơn vị mạnh toàn diện, với đa ngành đa nghề, có năng lực cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế hội nhập;
- Đảm bảo tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty, từng bước nâng cao cuộc sống vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh;

5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2018, kinh tế thế giới và trong nước đã phục hồi và đang tăng trưởng ổn định, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Sông Đà 7.04 trong việc tìm kiếm công việc để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2018 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt mức cao nhất trong những năm gần đây. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước như vậy, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng đang phục hồi và đây cũng là thuận lợi tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới quy mô sản xuất, khả năng tăng trưởng, phát triển của ngành sản xuất vật liệu nói chung cũng như Sông Đà 7.04 nói riêng.

Lạm phát

Các vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, lạm phát Việt Nam đang tiếp tục được duy trì ở mức ổn định hợp lý. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.04.

Lãi suất

Hiện nay, vốn vay của Sông Đà 7.04 chiếm khoảng 22,6% vốn chủ sở hữu, là vốn vay ngắn hạn với lãi suất hiện nay 8%/năm. Như vậy, tỷ lệ này của Công ty là đang ở mức bình thường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất tăng biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty.

▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không những đòi hỏi dây chuyền sản xuất phải hiện đại, đồng bộ, sản xuất sản phẩm liên tục mà Doanh nghiệp còn phải đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm đảm bảo tiêu thụ hết những sản phẩm sản xuất ra. Với tình hình hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn để giữ vững được thị phần cũng như khẳng định năng lực sản

xuất, tài chính của mình.

Giá cả các yếu tố đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, cát, đá dăm thường xuyên biến động. Trong khi đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên để khai thác phục vụ sản xuất ngày càng khan hiếm. Các lý do này đã làm chi phí đầu vào cho hoạt động tăng cao và gây ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7.04 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng.
- Cho thuê một số thiết bị, máy móc đang bảo quản nhưng chưa tìm được công việc mới.
- Tổ chức thanh lý, chuyển nhượng một số tài sản hỏng, dư thừa không phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh mới.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	36,31	22,33	61%
2	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	87,60	39,13	45%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,27	-0,98	-43%
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,85	5,03	86%
5	Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	2,78	1,71	61%
7	Chi phí QLDN	Tỷ đồng	1,54	0,97	63%
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	5,50	2,24	41%
9	Tỷ lệ cổ tức	%	-	-	-

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Danh sách Ban điều hành

- Ông Trần Văn Tài – Tổng giám đốc

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 141884542, Cấp ngày 09/7/2011 Nơi cấp Hải Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2004 - 09/2004: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 10/2004 - 12/2004: Phó quản đốc phân xưởng bê tông số II - Xí nghiệp SX bê tông –

Công

ty CP Sông Đà 7.

- ✓ Từ 01/2005 - 04/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
- ✓ Từ 05/2005 - 06/2005: Phó Ban quản lý cơ giới - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
- ✓ Từ 07/2005 – 10/2006: Quản đốc phân xưởng bê tông - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 11/2006 – 12/2007: Trưởng Ban quản lý cơ giới vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 01/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Quản lý cơ giới vật tư - Công ty CP Sông Đà 704
- ✓ Từ 04/2011 – 07/2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
- ✓ Từ 08/2012 – 09/2013: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sông Đà 701
- ✓ Từ 10/2013 – 01/2016: Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ Từ 02/2016 – đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019) : 4.860 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019) : 3.564 cổ phần

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**

Quan hệ: **Vợ**

Số cổ phần nắm giữ: **108** cổ phần

- Họ và tên: **Trần Thị Hiền**

Quan hệ: **Em gái**

Số cổ phần nắm giữ: **3.456** cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- **Ông Nguyễn Trọng Bắc** - **Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên : Nguyễn Trọng Bắc
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 20/10/1983
- Nơi sinh : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam

Trang 16

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04**

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La: Tel: 02420 236 699; Website: www.songda704.com.vn

- Số CMTND/Hộ chiếu : 111639657, Cấp ngày 13/01/2000 Nơi cấp Hà Tây
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú : Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 8/2005 - 11/2006: Chuyên viên phòng kế hoạch vật tư – Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn
 - ✓ Từ 11/2006 - 09/2009: Phó phòng TCKT – Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn.
 - ✓ Từ 10/2007 - 05/2010: Chuyên viên Ban kinh tế CGVT – CN Hà Nội Công ty CP Sông Đà 6
 - ✓ Từ 06/2010 - 09/2011: Phó quản đốc PX bê tông – CN Hà Nội Công ty CP Sông Đà 6
 - ✓ Từ 10/2011 – 03/2012: Chuyên viên Phòng kinh tế - kế hoạch –đầu tư Công ty CP Sông Đà 6
 - ✓ Từ 04/2012 – 05/2011: Chuyên viên phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704.
 - ✓ Từ 06/2012 – 03/2013: Phó phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704
 - ✓ Từ 04/2013 – 07/2013: Phó phòng KTHH kiêm thư ký HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 08/2013 – 05/2016: Trưởng phòng KTHH kiêm thư ký HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 06/2016 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Ngô Quốc Thế - Kế toán trưởng**
 - Họ và tên: **Ngô Quốc Thế**
 - Giới tính: Nam
 - Số CMTND: 012172224 Ngày cấp: 29/03/2014 Nơi cấp: Hà Nội
 - Ngày tháng năm sinh: 03/03/1981
 - Nơi sinh: Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trảng An, Bình Lục, Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên

- Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019): 5.400 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 04/04/2019): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

• **Những thay đổi trong Ban điều hành: Không**

• **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 có 29 CBCNV, cơ cấu lao động được thể hiện ở bảng sau:

• **Cơ cấu lao động của Sông Đà 7.04 (tại thời điểm 31/12/2018)**

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	09	31,03%

2	Trung + Sơ cấp	02	6,90%
3	Công nhân kỹ thuật	18	62,07%
Tổng cộng		29	100%

- Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7.04 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7.04 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh

doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hệ thống lương của Sông Đà 7.04 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7.04 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7.04 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7.04, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 26/12/2007. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Các khoản đầu tư lớn: Không

- Các công ty liên kết

- Công ty CP Thủy Điện Cao Nguyên - Sông Đà 7

Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Hiện nay, Công ty đang quản lý, vận hành 01 nhà máy thủy điện tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Công ty CP Sông Đà 7.02

Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 và phát sinh doanh thu thuần 16,1 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế lỗ 2,5 tỷ đồng.

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản chát, Lai Châu, Sử Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án thủy điện Nậm Thi 2.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	218.402.736.461	174.672.274.125	-20%
2	Doanh thu thuần	71.547.830.689	34.659.207.289	-52%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	907.355.611	-1.274.304.732	-240%
4	Lợi nhuận khác	1.008.396.144	291.477/799	-71%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.915.751.755	-982.826.933	-151%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.915.751.755	-982.826.933	-151%
7	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%

Trang 21

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La: Tel: 02420 236 699; Website: www.songda704.com.vn

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,25	1,53
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,68	0,86
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,42	0,3
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,7	0,44
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,4	0,18
-	Doanh thu thuần /Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,3	0,04
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,7	-2,8
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,5	-0,8
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,9	-0,6
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,3	9,5

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- **Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 04/04/2019:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần năm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty TNHH đầu tư thương mại Sông Đà	Số 41 TT 7 KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	0105362335	1.520.000	23,46%
2	Đặng Thị Hồng Hạnh	Số 98, Tổ 15, Phường Đồng Tiến, Hòa Bình	113022471	1.600.000	24,69%
	Tổng cộng			3.120.000	48,15%

- Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 04/04/2019:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổ chức	07	2.038.258	31,45%
	+ Trong nước	06	1.819.968	28,09%
	+ Ngoài nước	01	218.290	3,36%
2	Cá nhân	441	4.441.742	68,55%
	+ Trong nước	437	4.334.918	66,90%
	+ Ngoài nước	04	106.824	1,65%
	TỔNG SỐ	448	6.480.000	100%

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2018 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** Trong năm 2018 Công ty không có hoạt động giao dịch chứng khoán khác.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 tiếp là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7.04 trong tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh từ tình hình tài chính đến việc tìm kiếm việc làm mới. Kết thúc năm, Công ty CP Sông Đà 7.04 chỉ đạt 22,3 tỷ đồng Tổng giá trị sản xuất kinh doanh, 34,7 tỷ đồng doanh thu và -0,98 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế tương ứng với 61%, 45% và -143% so với kế hoạch.

Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:

- Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.
- Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

• Tình hình tài sản

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là 174,7 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 81,2 tỷ đồng chiếm 46,5% và tài sản dài hạn 93,5 tỷ đồng chiếm 53,5%. Trong năm 2018 giá trị Tổng tài sản có biến động giảm so với thời điểm 01/01/2018 là 43,7 tỷ đồng chủ yếu giảm ở các khoản phải thu ngắn hạn 34,2 tỷ đồng và tài sản cố định 9,5 tỷ đồng điều này cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng tập trung thu hồi các khoản công nợ phải thu và cơ cấu lại các tài sản cố định cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tổng tài sản			
-	Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,28	0,04
-	Hệ số sinh lợi tổng tài sản (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,03	0,003
2	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản ngắn hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản ngắn hạn (Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,59	0,09
-	Hệ số sinh lợi Tài sản ngắn hạn (Lợi nhuận sau thuế/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,02	0,002
-	Vòng quay Tài sản ngắn hạn (Giá vốn hàng bán/Tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,55	0,08
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,37	0,18
-	Kỳ thu tiền bình quân (Các khoản phải thu bình quân/Doanh thu thuần)*360 ngày	Ngày	362	542
3	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản dài hạn			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản dài hạn (Doanh thu thuần/ Tài sản dài hạn bình quân)		0,55	0,09
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản cố định (Doanh thu thuần/ Tài sản cố định bình quân)		0,40	1,8
-	Hệ số sinh lợi Tài sản cố định (Lợi nhuận sau thuế/ Tài sản cố định bình quân)		0,01	-0,05

Năm 2018 Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2018 nợ phải trả của Công ty là 53 tỷ đồng, toàn bộ số nợ phải trả này đều là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ. Trong đó khoản vay ngân hàng và tổ chức là 27,5 tỷ đồng chiếm 51,9% khoản nợ phải trả nhà cung cấp chiếm 33,8%, các khoản nợ khác 14,3%. Năm 2018 Ban điều hành Công ty đã nỗ lực thu hồi công nợ và đưa ra các biện pháp tài chính để tạo nguồn tiền để tập trung thanh toán cho các nhà cung cấp, các khoản nợ khác số tiền 20,8 tỷ đồng và trả nợ vốn vay ngân hàng số tiền 22,4 tỷ đồng.

3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Ban điều hành Công ty đánh giá năm 2019 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi một số nguyên nhân:

- Hoạt động SXKD của Công ty tại các khu vực Hòa Bình, Hà Nội phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố thị trường, mức độ cạnh tranh cao, phát sinh nhiều chi phí, tư duy và trình độ quản lý, tổ chức sản xuất chưa thay đổi kịp thời để phù hợp với tình hình mới.

Việc đấu thầu, tiếp thị tìm kiếm công việc mới gặp khó khăn do Công ty trước đây chủ yếu tham gia dự án theo hình thức chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.

Phần lớn thiết bị máy móc đã cũ và không phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh hiện tại

Trước tình hình như vậy, Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Tập trung quyết toán, thu hồi dứt điểm khối lượng, giá trị công nợ còn tồn đọng tại các dự án Công ty đã tham gia sản xuất, thi công.

Đánh giá thực trạng của toàn bộ máy móc thiết bị hiện có của Công ty để xây dựng phương án sử

dụng, chuyển nhượng, thanh lý cụ thể nhằm phát huy được năng lực của các loại thiết bị, máy móc.

Tập trung đơn đốc, giám sát hoạt động của các Công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư góp vốn để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

Tổ chức, sắp xếp lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp điều kiện mới, môi trường mới.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	25,22
2	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	59,36
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,64
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,92
5	Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	0,59
6	Chi phí QLDN	Tỷ đồng	0,87
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2,31
8	Tỷ lệ cổ tức	%	0

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 310319.002/BCTC.KT5 ngày 31/03/2019 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn Công ty đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 vẫn đang ở trong giai đoạn đầu thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 và Nhà máy mới hoàn thành đưa vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 do đó Công ty cần có thêm thời gian để đánh giá chính xác hiệu quả của dự án đồng thời Công ty cũng chỉ đạo người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sông Đà 7.02 yêu cầu Ban lãnh đạo Công ty CP Sông Đà 7.02 tập trung tìm mọi biện pháp thu hồi công nợ tồn đọng từ các khách hàng, chủ đầu tư. Từ đó, Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rủi ro của khoản đầu tư tài chính dài hạn và cân nhắc mức độ cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn này.

Khoản công nợ phải thu khó đòi hiện tại Ban tổng giám đốc Công ty vẫn đang thực hiện nhiều biện pháp để đòi nợ và vẫn đang trao đổi tiếp cận được các khách hàng còn nợ do đó Công ty vẫn chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung cơ cấu lại tổ chức hoạt động và quyết toán, thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng.
- Cho thuê một số thiết bị, máy móc đang bảo quản nhưng chưa tìm được công việc mới.
- Tổ chức thanh lý, chuyển nhượng một số tài sản hỏng, dư thừa không phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh mới.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tập trung dứt điểm công tác quyết toán, thu hồi vốn và công nợ tại công trình đã và đang tham gia thi công từ chủ đầu tư

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng cho thuê thiết bị trạm trộn, trạm nghiền và máy móc đối với các đơn vị đã ký hợp đồng.
- Rà soát lại các thiết bị máy móc đang bảo quản để tìm kiếm đối tác có nhu cầu để cho thuê.
- Thu hồi dứt điểm công nợ tồn đọng với các khách hàng.
- Lắp đặt 01 trạm bê tông 120m³/h tại khu vực Hà Đông, Hà Nội.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 7.02.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1
- Xúc tiến tìm kiếm, đấu thầu tìm kiếm việc làm, dự án mới phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động và tăng lợi ích cho Công ty và các cổ động

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	19/4/2013	0,083%	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7 - Chủ tịch Công ty CP Thủy Điện Cao Nguyên – Sông Đà 7
2	Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	01/6/2016	0%	- Phó giám đốc Công ty TNHH ĐT và TM xây dựng Safico - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà phát triển hạ tầng
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thành viên HĐQT	26/4/2017	23,46%	- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH ĐTTM Sông Đà Miền Bắc

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Phạm Văn Huỳnh thôi làm thành viên Hội đồng quản trị ngày 17/04/2018

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

- Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.
 - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2018 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua.
 - + Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Lai Châu; Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Nhà máy xi măng Mai Sơn...và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ ngân hàng.
 - + Chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển SXKD của Công ty năm 2019 theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - + Trong năm 2018 HĐQT đã ban hành 05 Nghị quyết, Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:
 - + Các Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ đã được HĐQT thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc vì nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đơn vị, trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ, đảm bảo đủ điều kiện đề bạt và bổ nhiệm.
 - + Vay vốn của các tổ chức tín dụng.
 - + Thanh lý một số tài sản cũ không có nhu cầu sử dụng để tái sử dụng vốn hiệu quả.
 - + Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.
 - **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Nguyễn Hữu Doanh	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Trường Đại học quốc gia Hà Nội

2. BAN KIỂM SOÁT

- **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Ngày bắt đầu là TV BKS	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Trọng Tiêu	TV BKS	30/6/2014	0,007%	- Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Sông Đà
2	Quất Văn Quang	TV BKS	10/3/2016	0%	- Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7
3	Nguyễn Như Huy	Trưởng BKS	26/4/2017	0%	- Giám đốc Công ty CP Sông Đà phát triển hạ tầng - Kế toán trưởng Công ty TNHH Thạch Kim Hòa Bình

- **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:** Không
- **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Năm 2018, Ban kiểm soát công ty đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi mặt hoạt động của công ty; Cụ thể :

+ Kiểm tra rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Kiểm tra các tờ trình của Tổng giám đốc, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động); nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ hoặc ngoài công ty.

+ Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.

+ Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

2019 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.

+ Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHĐCĐ, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn TV viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Trọng Tiêu	TV BKS	30/6/2014	2/2	100%	
2	Quát Văn Quang	TV BKS	10/3/2016	2/2	100%	
3	Nguyễn Như Huy	Trưởng BKS	26/4/2017	2/2	100%	

+ Trong năm 2018 các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan; đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông của công ty.

+ Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 và có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

+ Công tác thu hồi vốn tại các công trình Công ty tham gia thi công gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến việc chưa thu xếp được vốn để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn như nợ thuế, nợ lương CBCNV, nợ BHXH, nợ nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty không mở rộng sản xuất, tìm kiếm việc làm mới mà chỉ tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục công trình Công ty đã thi công với chủ đầu tư và tổ chức triển khai thi công dự án Thủy điện Nậm Thi.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức Danh	Lương	Thưởng	Thù Lao	Lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị		0	0	0	0
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0
2	Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	0	0	0	0
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thành viên HĐQT	0	0	0	0
II	Ban điều hành		250.370.775	30.000.000	0	0
1	Trần Văn Tài	Tổng giám đốc	53.825.423	0	0	0
2	Nguyễn Trọng Bắc	Phó Tổng giám đốc	0	0	0	0
3	Ngô Quốc Thế	Kế toán Trưởng	196.545.352	30.000.000	0	0
III	Ban kiểm soát		0	0	0	0
1	Nguyễn Trọng Tiêu	TV BKS	0	0	0	0
2	Quất Văn Quang	TV BKS	0	0	0	0
3	Nguyễn Như Huy	Trưởng BKS	0	0	0	0

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:** Không
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch phát sinh trong năm:		Mối quan hệ	Năm 2018
Mua hàng hóa, dịch vụ			2.373.612.546
-	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	1.480.343.637

-	Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	893.268.909
Bán hàng hóa, dịch vụ			28.438.737.442
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	17.765.419.597
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	7.660.954.779
-	Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	3.012.363.066
Nhượng bán tài sản			7.409.090.909
-	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	7.409.090.909

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2018
Phải thu ngắn hạn khách hàng			11.824.819.098
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	5.152.217.615
-	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	6.672.601.483
Phải thu khác			1.137.688.678
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.137.688.678

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Số: 310319.00/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được lập ngày 31/03/2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2017 và 31/12/2018, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (công ty liên kết) đang lỗ lũy kế với số tiền lần lượt là 6,8 tỷ đồng và 9,3 tỷ đồng. Đồng thời, khoản lỗ này chưa tính đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ mà Kiểm toán viên tại Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 đang nêu trên Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 về vấn đề Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 chưa đánh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ tồn đọng có giá trị là 16,3 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào công ty này hay không.

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of ILL International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cho các khoản nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2018 với giá trị là 2,7 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137) tại ngày 31/12/2018 đang bị phản ánh cao hơn số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 13,63 tỷ đồng. Sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Đỗ Thị Ngọc Dung
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 0659-2018-002-1
 Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đình Văn Giao
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 3286-2015-002-1

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		81.223.767.551	115.392.851.702
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.880.197.201	63.206.617
111	1. Tiền		3.880.197.201	63.206.617
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.537.933.172	62.643.979.313
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	32.533.601.920	32.238.886.429
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	287.690.000	325.190.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.797.618.759	32.160.880.391
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.080.977.507)	(2.080.977.507)
140	III. Hàng tồn kho	8	35.790.803.120	52.662.021.735
141	1. Hàng tồn kho		36.916.683.404	52.662.021.735
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.125.880.284)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		14.834.058	23.644.037
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		14.834.058	23.644.037
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.448.479.574	103.009.884.759
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	120.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	120.000.000
220	II. Tài sản cố định		894.859.574	9.460.922.691
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	894.859.574	9.460.922.691
222	- Nguyên giá		62.546.133.872	169.108.231.520
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.651.274.298)	(159.647.308.829)
240	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	92.553.620.000	92.553.620.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		92.553.620.000	92.553.620.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		-	875.342.068
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	875.342.068
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.672.247.125	218.402.736.461


Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.032.405.523	95.780.067.926
310	I. Nợ ngắn hạn		53.032.405.523	95.775.067.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.344.864.700	23.984.971.205
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	7.536.199.114	15.638.556.963
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.036.746.512	2.107.486.925
314	4. Phải trả người lao động		308.311.381	896.020.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.758.241.804	535.889.860
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.195.786.900	1.300.874.948
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	27.481.991.300	49.941.003.325
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.370.263.812	1.370.263.812
330	II. Nợ dài hạn		-	5.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	-	5.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.639.841.602	122.622.668.535
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	121.639.841.602	122.622.668.535
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		64.800.000.000	64.800.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		64.800.000.000	64.800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.960.000.000	15.960.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.514.367.796	54.514.367.796
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.634.526.194)	(12.651.699.261)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(12.651.699.261)	(14.567.451.016)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(982.826.933)	1.915.751.755
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.672.247.125	218.402.736.461


Trần Văn Quân
Người lập biểu


Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng




Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	34.659.207.289	71.547.830.689
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.659.207.289	71.547.830.689
11	3. Giá vốn hàng bán	19	31.365.390.487	66.856.748.080
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.293.816.802	4.691.082.609
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	542.349	1.186.480.913
22	6. Chi phí tài chính	21	3.593.485.555	2.624.567.940
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.593.485.555	4.681.158.105
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	975.178.328	2.345.639.971
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.274.304.732)	907.355.611
31	9. Thu nhập khác	23	913.645.344	1.190.642.338
32	10. Chi phí khác	24	622.167.545	182.246.194
40	11. Lợi nhuận khác		291.477.799	1.008.396.144
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(982.826.933)	1.915.751.755
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(982.826.933)	1.915.751.755
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(152)	296

Trần Văn Quân
Người lập biểu

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng

Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2019



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(982.826.933)	1.915.751.755
	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.512.159.334	4.281.516.391
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.706.813.456	3.803.331.006
03	- Các khoản dự phòng		1.125.880.284	(1.970.528.257)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(914.019.961)	(2.232.444.463)
06	- Chi phí lãi vay		3.593.485.555	4.681.158.105
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.529.332.401	6.197.268.146
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.273.651.202	36.977.411.973
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.745.338.331	(7.736.062.770)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(21.508.452.322)	(52.724.590.611)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		875.342.068	10.296.118.253
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.371.133.611)	(4.238.363.088)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.544.078.069	(11.228.218.097)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.719.224.091	4.710.000.001
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(39.199.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.847.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.935.000.000	58.599.472.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		80.250.449	29.841.913
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.734.474.540	26.987.313.914
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		28.004.901.354	114.571.222.089
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(50.463.913.379)	(130.752.416.386)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.550.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.461.562.025)	(16.181.194.297)

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.816.990.584	(422.098.480)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		63.206.617	485.305.097
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.880.197.201</u>	<u>63.206.617</u>



Trần Văn Quân
Người lập biểu



Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được thành lập theo Quyết định số 22 CT/HĐQT ngày 20/12/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7.04 Joint - Stock Company, viết tắt là Song Da 7.04.

Vốn điều lệ của Công ty là: 64.800.000.000 đồng; tương đương 6.480.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: thị trấn Ít Ong - huyện Mường La - tỉnh Sơn La.

Văn phòng giao dịch của Công ty đặt tại Số 36 - V5A - khu đô thị Văn Phú - phường Phú La - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình thủy điện, bưu điện; khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình; xử lý chống thấm; đóng cọc móng; khoan khai thác nước, khoan cọc nhồi, khoan nổ mìn;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng. Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, do các công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu, Nhà máy Thủy điện Huội Quảng và Nhà máy Thủy điện Nậm Thi mà Công ty là nhà thầu cung cấp vừa bê tông đã đi vào giai đoạn cuối, khối lượng nghiệm thu giảm dẫn đến việc doanh thu và giá vốn cung cấp vừa bê tông năm nay của Công ty cũng sụt giảm đáng kể so với năm trước.

Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 13,63 tỷ đồng. Sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đang tập trung công tác quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng, Nhà máy Xi măng Mai Sơn và dự án thủy điện Nậm Thi. Việc tập trung quyết toán các công trình sẽ giúp Công ty thu hồi được các khoản công nợ đã tồn đọng từ lâu do chờ quyết toán, dự kiến luồng tiền thu được từ các dự án này sẽ đủ bù đắp cho các khoản nợ đến hạn của Công ty.
- Từ năm 2018, khi các dự án đã đi vào giai đoạn cuối, Công ty dự kiến sẽ chuyển hoạt động kinh doanh chính sang cho thuê máy móc, thiết bị. Hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị cùng với nguồn lực về tài sản sẵn có, địa bàn hoạt động trải rộng, quan hệ khách hàng lâu năm sẽ giúp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong thời gian tới.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc

Văn phòng Công ty

Chi nhánh Hoà Bình

Địa chỉ

Thị trấn Ít Ong, huyện Mường
La, tỉnh Sơn La

Thị trấn Lương Sơn, huyện
Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất công nghiệp

Xây lắp và Sản xuất công nghiệp

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối năm, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, nên Công ty được miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2011 và được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2012 đến năm 2020.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động ưu đãi phát sinh trong năm và áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động khác.

2.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	10.460.281	1.225.505
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.869.736.920	61.981.112
	3.880.197.201	63.206.617

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	6.672.601.483	-	150.916.483	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.152.217.615	-	6.141.343.983	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	-	-	2.458.097.485	-
- Các đối tượng khác	20.708.782.822	(2.080.977.507)	23.488.528.478	(2.080.977.507)
	32.533.601.920	(2.080.977.507)	32.238.886.429	(2.080.977.507)
b) Các bên liên quan	11.824.819.098	-	8.750.357.951	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát thiết kế và Xây dựng mô địa chất	152.600.000	-	152.600.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Hà Nội	90.090.000	-	90.090.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Âu Việt	-	-	37.500.000	-
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư CM - Trung tâm Môi trường và Khoáng sản	45.000.000	-	45.000.000	-
	287.690.000	-	325.190.000	-

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	3.084.026	-	54.178.175	-
Phải thu khác	10.794.534.733	-	32.106.702.216	-
- Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	5.921.010.931	-	5.921.010.931	-
- Phải thu ông Nguyễn Hữu Chuẩn tiền chuyển nhượng cổ phần (*)	3.465.528.000	-	22.400.528.000	-
- Lãi vay phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	1.137.688.678	-	1.217.396.778	-
- BHXH phải thu người lao động	200.587.338	-	174.546.559	-
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	-	-	1.831.167.056	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	-	458.688.927	-
- Các khoản phải thu khác	69.719.786	-	103.363.965	-
	10.797.618.759	-	32.160.880.391	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	120.000.000	-
	-	-	120.000.000	-
c) Các bên liên quan	1.137.688.678	-	3.048.563.834	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

(*) Theo Nghị quyết số 11/NQ-S74-HĐQT ngày 07/09/2017, Công ty chuyển nhượng 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 cho ông Nguyễn Hữu Chuẩn theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 11.9/2017/HĐCNCP với giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị 50.000.000.000 VND. Trong năm, ông Nguyễn Hữu Chuẩn đã thanh toán một phần khoản nợ bằng hình thức chuyển khoản số tiền 18.935.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng 1-5	1.712.823.369	-	1.712.823.369	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Phong	738.583.672	738.583.672	738.583.672	738.583.672
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	609.690.500	609.690.500	609.690.500	609.690.500
Các đối tượng khác	5.051.555.853	4.683.401.715	5.051.555.853	4.683.401.715
	8.112.653.394	6.031.675.887	8.112.653.394	6.031.675.887

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.657.207.175	-	1.700.178.257	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.058.985.628	-	50.761.352.877	-
- Tại công trình Thủy điện Lai Châu	16.672.503.184	-	20.751.786.335	-
- Tại công trình Thủy điện Huội Quảng	1.091.304.537	-	2.091.506.474	-
- Tại công trình Thủy điện Nậm Thi	9.901.061.291	-	18.436.834.752	-
- Tại công trình Nhà máy Xi măng Mai Sơn (*)	7.074.985.701	(1.125.880.284)	7.074.985.701	-
- Tại các Công trình khác	319.130.915	-	2.406.239.615	-
Thành phẩm	200.490.601	-	200.490.601	-
	36.916.683.404	(1.125.880.284)	52.662.021.735	-

(*) Công trình Kho tròn đồng nhất đá vôi thực hiện tại nhà máy Xi măng Mai Sơn được thực hiện từ năm 2010, hiện Công trình đang chờ quyết toán với chủ đầu tư. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công trình được ước tính bằng chênh lệch giữa giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã tập hợp của công trình và giá trị ứng trước của chủ đầu tư. Giá trị ứng trước của chủ đầu tư xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	609.682.400	156.437.510.348	11.888.764.681	172.274.091	169.108.231.520					
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(104.868.043.653)	(1.521.779.904)	(172.274.091)	(106.562.097.648)					
Số dư cuối kỳ	609.682.400	51.569.466.695	10.366.984.777	-	62.546.133.872					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	316.534.971	147.283.597.345	11.874.907.423	172.269.090	159.647.308.829					
- Khấu hao trong năm	115.565.052	1.577.386.145	13.857.258	5.001	1.706.813.456					
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(98.008.793.992)	(1.521.779.904)	(172.274.091)	(99.702.847.987)					
Số dư cuối kỳ	432.100.023	50.852.189.498	10.366.984.777	-	61.651.274.298					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	293.147.429	9.153.913.003	13.857.258	5.001	9.460.922.691					
Tại ngày cuối năm	177.582.377	717.277.197	-	-	894.859.574					

(*) Trong năm, sau khi thi công xong các công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu, Nhà máy Thủy điện Huội Quang và Nhà máy Thủy điện Nậm Thi, Công ty tập trung vào thực hiện các thủ tục quyết toán hoàn thành với chủ đầu tư. Công ty tiến hành thanh lý các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và thiết bị, dụng cụ quản lý không có nhu cầu sử dụng, thu nhập từ thanh lý tài sản trong năm là 7.772.727.273 VND, giá trị còn lại của tài sản thanh lý là 6.859.249.661 VND;

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.638.315.099 VND.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	92.553.620.000	-	92.553.620.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	51.753.620.000	-	51.753.620.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
	92.553.620.000	-	92.553.620.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	43,13%	43,13%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	34,00%	34,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	5.949.105.417	5.949.105.417
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	6.414.654.633
- Chi nhánh Sông Đà 6.04 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại Lai Châu	1.420.993.697	2.673.542.225
- Các đối tượng khác	166.100.000	601.254.688
	7.536.199.114	15.638.556.963
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		435.154.688
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)		

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	1.874.041.579	1.874.041.579	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thành Đạt	1.324.624.500	1.324.624.500	2.155.927.800	2.155.927.800
- Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu chuyên dụng Spemat	42.900.000	42.900.000	4.087.174.000	4.087.174.000
- Công ty TNHH Xây dựng Sông Đà 704	-	-	5.667.502.491	5.667.502.491
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.103.298.621	7.103.298.621	12.074.366.914	12.074.366.914
	10.344.864.700	10.344.864.700	23.984.971.205	23.984.971.205
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phúc Minh	495.225.521	495.225.521	495.225.521	495.225.521
- Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Thương mại và Hóa chất Kim Châu	364.201.431	364.201.431	364.201.431	364.201.431
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	340.983.600	340.983.600	340.983.600	340.983.600
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng Vật tư Hà Nội	290.201.930	290.201.930	290.201.930	290.201.930
- Phải trả cho các đối tượng khác	274.895.526	274.895.526	274.895.526	274.895.526
	1.765.508.008	1.765.508.008	1.765.508.008	1.765.508.008
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)				
	-	-	366.796.200	366.796.200



Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.934.988.881	2.051.191.651	-	883.797.230	-	-	-	4.172.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.172.578	-	-	-	-	-	-	-	255.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.895.989	4.640.989	-	-	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	1.195.956.380	1.195.956.380	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.103.314.347	344.223.413	299.016.056	-	-	-	-	-	2.148.521.704
	-	2.107.486.925	4.480.064.663	3.550.805.076	-	-	-	-	-	3.036.746.512

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tại thời điểm 31/12/2018, do còn nợ tiền thuế và lãi chậm nộp nên Công ty đang bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn. Theo Công văn số 233/CT-QLN ngày 28/02/2019 của Cục thuế tỉnh Sơn La, nhằm tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho Công ty trong việc thanh toán vốn, bán hàng hóa, dịch vụ, Cục thuế chấp thuận cho phép Công ty sử dụng hóa đơn lẻ trong thời gian thực hiện Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.758.241.804	535.889.860
	1.758.241.804	535.889.860

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	882.709.427	838.656.289
Các khoản phải trả, phải nộp khác	313.077.473	462.218.659
- Cổ tức phải trả	263.464.500	266.014.500
- Phải trả, phải nộp khác	49.612.973	196.204.159
	1.195.786.900	1.300.874.948
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.000.000
	-	5.000.000



Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

16. CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	45.241.003.325	45.241.003.325	20.004.901.354	50.263.913.379	14.981.991.300	14.981.991.300
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	4.500.000.000	4.500.000.000	8.000.000.000	-	12.500.000.000	12.500.000.000
- Vay cá nhân	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-
	49.941.003.325	49.941.003.325	28.004.901.354	50.463.913.379	27.481.991.300	27.481.991.300

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức, cá nhân khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	VND	Thả nổi	Thế chấp (*)	14.981.991.300	45.241.003.325
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	VND	9,80%	Tin chấp	12.500.000.000	4.500.000.000
- Vay ông Phạm Đức Thuận	VND	7,50%	Tin chấp	-	200.000.000
				27.481.991.300	49.941.003.325

(*) Khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/955823/HĐBĐ ngày 28/08/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/955823/SĐBS ngày 05/09/2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.700.000.000 VND.

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Mối quan hệ	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết	12.500.000.000	641.289.305	4.500.000.000	169.508.194
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	12.500.000.000	641.289.305	4.500.000.000	169.508.194



Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	64.800.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	(14.567.451.016)	120.706.916.780
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.915.751.755	1.915.751.755
Số dư cuối năm trước	64.800.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	(12.651.699.261)	122.622.668.535
Số dư đầu năm nay	64.800.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	(12.651.699.261)	122.622.668.535
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(982.826.933)	(982.826.933)
Số dư cuối năm nay	64.800.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	(13.634.526.194)	121.639.841.602

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Đặng Thị Hồng Hạnh	16.000.000.000	24,69%	-	0,00%
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sông Đà Miền Bắc	15.200.000.000	23,46%	15.200.000.000	23,46%
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.496.000.000	3,85%	2.496.000.000	3,85%
Ông Phạm Đức Thuận	-	0,00%	11.225.960.000	17,32%
Ông Nguyễn Văn Hùng	3.000.000.000	4,63%	8.000.000.000	12,35%
Các cổ đông khác	28.104.000.000	43,37%	27.878.040.000	43,02%
Cộng	64.800.000.000	100%	64.800.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.800.000.000	64.800.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	64.800.000.000	64.800.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	64.800.000.000	64.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	266.014.500	266.014.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	2.550.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	263.464.500	266.014.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.480.000	6.480.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.480.000	6.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.480.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.480.000	6.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.480.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	54.514.367.796	54.514.367.796
	54.514.367.796	54.514.367.796

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông, cát, đá	18.414.744.579	28.696.885.527
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	5.876.455.026	21.286.160.006
Doanh thu cho thuê máy	6.307.963.939	12.405.039.145
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.000.201.937	-
Doanh thu khác	3.059.841.808	9.159.746.011
	34.659.207.289	71.547.830.689

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)***28.438.737.442****15.714.393.989****19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động sản xuất bê tông, cát, đá	15.378.623.081	28.271.352.718
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	5.804.191.816	20.400.095.106
Giá vốn cho thuê máy	5.112.643.418	9.742.739.153
Giá vốn của hoạt động xây lắp	1.000.201.937	-
Giá vốn của hoạt động khác	2.943.849.951	8.442.561.103
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.125.880.284	-
	31.365.390.487	66.856.748.080

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	542.349	1.186.480.913
	542.349	1.186.480.913

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.593.485.555	4.681.158.105
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(2.056.590.165)
	3.593.485.555	2.624.567.940

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.620.000	29.400.001
Chi phí nhân công	792.522.687	1.784.622.645
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	54.400.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	16.953.086
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	107.786.135
Chi phí dự phòng	-	86.061.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.448.849	164.753.724
Chi phí khác bằng tiền	22.586.792	101.662.228
	975.178.328	2.345.639.971

23. THUNHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	913.477.612	1.045.963.550
Các khoản khác	167.732	144.678.788
	913.645.344	1.190.642.338

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	45.207.357	182.246.194
Chi phí khấu hao TSCĐ trong giai đoạn tạm ngừng sử dụng	576.341.000	-
Lãi chậm nộp BHXH	619.188	-
	622.167.545	182.246.194

0011
CÔN
ACHNH
INGK
AA
TIN KIE

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(982.826.933)	1.915.751.755
Các khoản điều chỉnh tăng	1.091.126.580	182.246.194
- Các khoản chi phí không hợp lệ	45.207.357	182.246.194
- Quỹ lương năm 2017 chưa chi hết đến thời điểm 31/03/2018	469.578.223	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ trong giai đoạn tạm ngừng sử dụng	576.341.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(108.299.647)	(2.097.997.949)
- Chuyển lỗ năm trước	(108.299.647)	(2.097.997.949)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.172.578	4.172.578
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.172.578	4.172.578

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(982.826.933)	1.915.751.755
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(982.826.933)	1.915.751.755
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.480.000	6.480.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(152)	296

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.217.369	18.590.346.704
Chi phí nhân công	4.266.084.620	4.884.295.533
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	27.971.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.472.456	3.803.331.006
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	107.786.135
Hoàn nhập dự phòng	-	86.061.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.736.278.752	9.257.616.791
Chi phí khác bằng tiền	22.586.792	101.662.228
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	10.169.639.989	36.859.071.437

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.880.197.201	-	63.206.617	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.331.220.679	(2.080.977.507)	64.519.766.820	(2.080.977.507)
	47.211.417.880	(2.080.977.507)	64.582.973.437	(2.080.977.507)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	27.481.991.300	49.941.003.325
Phải trả người bán, phải trả khác	11.540.651.600	25.290.846.153
Chi phí phải trả	1.758.241.804	535.889.860
	40.780.884.704	75.767.739.338

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.880.197.201	-	3.880.197.201
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.250.243.172	-	41.250.243.172
	45.130.440.373	-	45.130.440.373
Tại ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.206.617	-	63.206.617
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.318.789.313	120.000.000	62.438.789.313
	62.381.995.930	120.000.000	62.501.995.930

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018			
Vay và nợ	27.481.991.300	-	27.481.991.300
Phải trả người bán, phải trả khác	11.540.651.600	-	11.540.651.600
Chi phí phải trả	1.758.241.804	-	1.758.241.804
	40.780.884.704	-	40.780.884.704
Tại ngày 01/01/2018			
Vay và nợ	49.941.003.325	-	49.941.003.325
Phải trả người bán, phải trả khác	25.285.846.153	5.000.000	25.290.846.153
Chi phí phải trả	535.889.860	-	535.889.860
	75.762.739.338	5.000.000	75.767.739.338

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	28.004.901.354	114.571.222.089

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(50.463.913.379)	(130.752.416.386)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất bê tông, cát, đá	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ	18.414.744.579	16.244.462.710	34.659.207.289
Giá vốn của hàng bán ra bên ngoài	15.378.623.081	15.986.767.406	31.365.390.487
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.036.121.498	257.695.304	3.293.816.802
Tài sản bộ phận	43.630.355.740	38.488.271.385	82.118.627.125
Tài sản không phân bổ			92.553.620.000
Tổng tài sản	43.630.355.740	38.488.271.385	174.672.247.125
Nợ phải trả của các bộ phận	28.176.587.940	24.855.817.583	53.032.405.523
Tổng nợ phải trả	28.176.587.940	24.855.817.583	53.032.405.523

Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên khu vực miền Bắc Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 16)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		2.373.612.546	7.024.320.634
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	-	1.229.301.191
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	2.612.294.233
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	893.268.909	2.847.700.274
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	1.480.343.637	335.024.936
Bán hàng hóa, dịch vụ		28.438.737.442	15.714.393.989
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	17.765.419.597	1.357.854.489
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	7.660.954.779	3.933.106.610
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	3.012.363.066	10.244.297.750
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	-	179.135.140
Bàn giao vật tư		-	1.312.189.574
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	1.312.189.574
Nhượng bán tài sản		7.409.090.909	969.090.911
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	7.409.090.909	60.000.000
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	-	909.090.911
Cho vay		-	39.199.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	39.199.000.000
Chuyển nhượng đầu tư tài chính dài hạn		-	29.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	-	29.000.000.000
Góp vốn		-	40.800.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	40.800.000.000
Số dư với các bên liên quan như sau:			
	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		11.824.819.098	8.750.357.951
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cùng chủ tịch HĐQT	5.152.217.615	6.141.343.983
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	2.458.097.485
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xây dựng Safico	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	6.672.601.483	150.916.483
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	435.154.688
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	-	435.154.688

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		-	366.796.200
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	-	366.796.200
Phải thu khác		1.137.688.678	3.048.563.834
- Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình	Thành viên HĐQT Công ty là PGĐ BLQ	-	1.831.167.056
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.137.688.678	1.217.396.778

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	53.825.423	114.483.721
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	-	307.457.211

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố lại căn cứ theo Quyết định số 1110/QĐ-BCT về việc Ban hành đơn giá xây dựng công trình năm 2010 - 2015 Dự án thủy điện Lai Châu, Công ty và Chi nhánh Sông Đà 6.04 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại Lai Châu, Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội) thực hiện quyết toán điều chỉnh giảm doanh thu bán cát, đá, bê tông phục vụ thi công công trình thủy điện Lai Châu, cụ thể như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	32.238.886.429	32.683.591.830
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15.638.556.963	10.511.546.818
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	23.984.971.205	26.038.488.478
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(12.651.699.261)	(9.133.500.988)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(14.567.451.016)	(11.049.252.718)

Quản

Trần Văn Quán
Người lập biểu

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

